

Số: 348/STC-QLNS

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 4 năm 2017

V/v đề nghị thẩm định Dự thảo
Quyết định của UBND tỉnh

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 24-04-2017

CÔNG VĂN ĐẾN số: 1645

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Thực hiện Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2017. Sau khi tổng hợp các ý kiến tham gia và thống nhất nội dung tại Biên bản họp ngày 13/4/2017 của liên cơ quan: Sở Tài chính - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tư pháp - Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang. Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(Có dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo)

Sở Tài chính trân trọng đề nghị Sở Tư pháp thẩm định Dự thảo nêu trên để Sở Tài chính hoàn thiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh. /th

Nơi nhận: /th

- Như trên (để thẩm định);
- Lưu: VT, QLNS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên

Số: .../TTTr-STC

Tuyên Quang, ngày ... tháng ... năm 2017



TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2017, trong đó giao Sở Tài chính xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sở Tài chính xin trân trọng báo cáo quá trình xây dựng dự thảo Quyết định như sau:

I. Căn cứ để xây dựng Quyết định

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002;
- Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010;

- Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

II. Sự cần thiết ban hành Quyết định

1. Tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (nay viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Trong những năm qua được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân huyện. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã dành một phần vốn ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định đời sống, góp phần giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội của các người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Tổng kinh phí ngân sách tỉnh ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang là 10.000 triệu đồng. Thực hiện các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 280/QĐ-UBND ngày 16/9/2015, số 409/QĐ-UBND ngày 21/12/2015; Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã lập và ký Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng ủy thác đầu tư với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để thực hiện cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Tổng kinh phí ngân sách huyện ủy thác sang Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện là 1.700 triệu đồng, trong đó: huyện Lâm Bình 300 triệu đồng; huyện Na Hang 400 triệu đồng; huyện Chiêm Hóa 200 triệu đồng; huyện Hàm Yên 100 triệu đồng; huyện Yên Sơn 100 triệu đồng; huyện Sơn Dương 300 triệu đồng; thành phố Tuyên Quang 300 triệu đồng. Ủy ban nhân dân cấp huyện đã ban hành Quy chế ủy thác đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện.

Tuy nhiên hiện nay chưa có sự thống nhất về việc ủy thác nguồn vốn ngân sách địa phương qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Cơ sở pháp lý

Tại Điều 4, Chương II Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác quy định: “*Căn cứ quy định tại Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC*

ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính, UBND cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác”.

Căn cứ quy định nêu trên thì việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

III. Quá trình soạn thảo

Sở Tài chính đã soạn thảo dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và lấy ý kiến tham gia của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*Văn bản số 252/STC-QLNS ngày 24/3/2017 của Sở Tài chính*). Ngày 13/4/2017 Sở Tài chính đã tổ chức cuộc họp liên ngành thống nhất nội dung dự thảo. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, Sở Tài chính đã tổng hợp, nghiên cứu để tiếp thu chỉnh lý dự thảo Quyết định.

Ngày .../.../2017, Sở Tài chính đã có Văn bản số .../STC-QLNS gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định, kết quả đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Văn bản số .../STP ngày...tháng...năm 2017.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã nghiên cứu chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quyết định.

IV. Dự thảo Quyết định, Quy chế

Kèm theo Tờ trình gồm có:

1. Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Bản tổng hợp ý kiến tham gia vào dự thảo Quyết định.

3. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp.

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT-QLNS (2).

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Kim Dung

Số: .../2017/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày ... tháng ... năm ...



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về
tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính
sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng
Chính phủ ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính
đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số
180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính
quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua
Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng
chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách
xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính
về việc hướng dẫn thực hiện quy chế Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân
hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg
ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ
tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số: .../TTTr-STC ngày .../.../2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- NHCSXH Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Cục KtrVBQPPL, Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- UBMTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Như Điều 3 (để thi hành);
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học và Công báo;
- Trưởng các phòng khối KTTH;
- Lưu: VT, KTTH.

báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huấn

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: .../2017/QĐ-UBND ngày.../.../... của Ủy ban
nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội, bao gồm Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện (sau đây viết tắt là NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH, gồm: Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, NHCSXH, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Sở, ngành liên quan.

b) Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Tổ tiết kiệm và vay vốn.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện tùy theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác được

trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng vốn vay

1. Nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn vốn ủy thác cho chương trình tín dụng nào thì chỉ sử dụng cho chương trình tín dụng đó, NHCSXH không được tự ý điều động vốn sử dụng cho chương trình khác nếu không được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (*sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện*) đồng ý bằng văn bản.

3. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH được giải ngân, quản lý, sử dụng theo quy định tại Quy chế này và các quy định của nhà nước hiện hành liên quan. Nghiêm cấm các hành vi tham ô, chiếm dụng, lợi dụng vốn vay dưới mọi hình thức. Các tổ chức, cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH

1. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Sở Lao động Thương binh và Xã hội ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội ký Hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện.

Điều 5. Quy trình chuyển vốn ngân sách địa phương

1. Căn cứ để chuyển vốn:

a) Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) phê duyệt nguồn vốn ủy thác để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

b) Hợp đồng ủy thác đã ký theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Hình thức cấp phát: Lệnh chi tiền.

3. Hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Cơ quan tiếp nhận nguồn vốn ủy thác

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp huyện để thực hiện cho vay trực tiếp và cho vay ủy thác qua các tổ chức chính trị - xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của nhà nước hiện hành.

Điều 6. Đối tượng cho vay

1. Các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay

1. Đối với đối tượng cho vay thuộc khoản 1, Điều 6 Quy chế này thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Đối với đối tượng cho vay thuộc khoản 2, Điều 6 Quy chế này do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)

1. Đối với đối tượng cho vay thuộc khoản 1, Điều 6 Quy chế này thực hiện theo các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với đối tượng cho vay thuộc khoản 2, Điều 6 Quy chế này do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

Thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (*sau đây viết tắt là Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính*).

Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo quy định tại điểm a, khoản 7, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính.

2. Riêng đối với chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. NHCSXH được trích 15% số tiền lãi thu được, trong đó: 70% chi khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc đóng góp trực tiếp, thiết thực trong hoạt động cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; 30% chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương.

a) Hàng năm NHCSXH lập dự toán việc sử dụng kinh phí được để lại cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và khen thưởng gửi Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thẩm định. Căn cứ nội dung thẩm định, NHCSXH trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định để tổ chức thực hiện.

b) Trường hợp hết năm ngân sách, kinh phí còn dư được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro

Thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 12. Chế độ báo cáo

Thực hiện theo quy định tại khoản 9, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 13. Hạch toán kế toán và theo dõi nguồn vốn ủy thác

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH được theo dõi trên tài khoản riêng theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính

a) Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Thực hiện chuyển vốn ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Kiểm tra, thẩm định việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra giám sát tình hình và kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác.

3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang đảm bảo theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan giám sát việc sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

c) Hướng dẫn rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm làm cơ sở để thực hiện cho vay đúng đối tượng.

4. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng đối với NHCSXH theo quy định.

5. NHCSXH

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác theo đúng quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn đúng mục đích, cho vay đúng đối tượng thụ hưởng và phân phối số lãi thu được đúng quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

b) Chủ động và phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra giám sát vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, NHCSXH có trách nhiệm tổng hợp số liệu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn địa phương ủy thác cho vay.

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo các phòng, ban, tổ chức chính trị - xã hội, hội, đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với người vay trên địa bàn.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chấp hành đầy đủ các quy định về Thành lập Tổ tiết kiệm vay vốn, bình xét cho vay, xác nhận đối tượng đủ điều kiện vay theo quy định, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, trả nợ, trả lãi tiền vay của người vay.

c) Chỉ đạo thực hiện việc tổ chức, rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn đảm bảo đúng đối tượng, đúng thời gian theo quy định.

8. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện

a) Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê duyệt nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Thực hiện chuyển vốn ủy thác sang Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh sau khi được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê duyệt.

c) Kiểm tra, thẩm định việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 10 Quy chế này.

9. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện

a) Ký Hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đảm bảo theo quy định.

b) Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan giám sát việc sử dụng nguồn vốn từ ngân sách huyện ủy thác sang Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

c) Hướng dẫn rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm làm cơ sở để thực hiện cho vay đúng đối tượng.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Thực hiện rà soát và Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo hằng năm theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện để làm cơ sở thực hiện cho vay đúng đối tượng. Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn thuộc phạm vi quản lý theo từng chương trình cho vay từ nguồn vốn được ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với NHCSXH, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Có xác nhận và ý kiến về đề nghị của người vay đối với các trường hợp được xử lý rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của nội dung xác nhận.

11. Các Tổ chức Hội đoàn thể nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

Điều 15. Quy định chuyển tiếp

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội rà soát nội dung Hợp đồng ủy thác đã ký với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định tại Quy chế này.

2. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội rà soát nội dung các Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ủy thác của ngân sách cấp huyện đã ký để đề xuất, tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định tại Quy chế này.

3. Trường hợp các Hợp đồng và Quy chế đã ban hành phù hợp với quy định tại Quy chế này thì tiếp tục thực hiện.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Những quy định khác có liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền giải quyết, các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung thì các cơ quan, đơn vị lập văn bản đề nghị về Sở Tài chính để nghiên cứu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, nhằm đảm bảo sử dụng vốn ủy thác đúng mục đích, hiệu quả./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huấn



BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA
Về dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội/Tuyên Quang để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Kèm theo Công văn số 348/STC-QLNLS ngày 20/4/2017 của Sở Tài chính)

Stt	QUY ĐỊNH DỰ THẢO VĂN BẢN	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
1	2	3	4
1		Sở Kế hoạch và Đầu tư Nhất trí với nội dung dự thảo	
2		Sở Lao động Thương binh và Xã hội Đề nghị thêm phần Quốc hiệu, tên cơ quan ban hành văn bản, trình bày phần ký văn bản tại dự thảo Quy chế	Nhất trí, tiếp thu chỉnh sửa
2.1		Đề nghị bỏ từ "huyện" vì tại Điều 3 đã ghi Chủ tịch UBND huyện, thành phố nên việc thực hiện tại địa phương do Chủ tịch UBND huyện, thành phố chỉ đạo	Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh..."
2.2	Tại Điều 3 dự thảo Quyết định: "Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (huyện)..."		Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Xử lý nợ bị rủi ro thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 5, Chương II Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính".
2.3		Đề nghị bổ sung nội dung về quản lý và xử lý nợ bị rủi ro	Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Ngân hàng Chính sách xã hội, bao gồm Chi nhánh NHCSXH tỉnh Tuyên Quang và Phòng giao dịch NHCSXH các huyện".
2.4		Nghiên cứu trình bày thống nhất tên Ngân hàng	Nhất trí, tiếp thu chỉnh sửa
2.5		Đề nghị xem xét lại các chữ viết tắt	Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Thực hiện rà soát và Quyết định công nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo hàng năm theo chi đạo của UBND xã, phường, thị trấn: "Thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và Quyết định công nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo hàng năm theo chi đạo của UBND huyện, thành phố để làm cơ sở thực hiện cho vay đúng đối tượng".
2.6	Tại điểm a, khoản 9, Điều 10 dự thảo Quy chế trách nhiệm UBND xã, phường, thị trấn: "Chiều trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn thuộc phạm vi quản lý theo từng chương trình cho vay vốn..."		Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Thực hiện rà soát và Quyết định công nhân hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo hàng năm theo chi đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện để làm cơ sở thực hiện cho vay đúng đối tượng. Chiều trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn thuộc phạm vi quản lý theo từng chương trình cho vay vốn từ nguồn vốn được ủy thác qua NHCSXH tỉnh (huyện) để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang".
3		Sở Tư pháp Đề nghị bỏ căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội vì không phải là văn bản quy phạm pháp luật, không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	Nhất trí, tiếp thu chỉnh sửa
3.1	Tại dự thảo Quyết định phân căn cứ: "Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội"		

Stt	QUY ĐỊNH DỰ THẢO VĂN BẢN	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
1	2	3	4
3.2	<p>Tại Điều 2 Dự thảo Quyết định quy định: "<i>Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký</i>"</p>	<p>Đề nghị chỉnh sửa lại vì không phù hợp với quy định tại Điều 151, Điều 152 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "<i>Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...</i>"</p>
3.3	<p>Tại điểm c, khoản 2, Điều 1 dự thảo Quy chế đối tượng áp dụng: "<i>Người nghèo và các đối tượng chính sách khác...</i>"</p>	<p>Đề nghị bỏ đối tượng áp dụng: "<i>Người nghèo và các đối tượng chính sách khác...</i>" vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo</p>	<p>Nhất trí, tiếp thu chỉnh sửa</p>
3.4	<p>Tại khoản 2, Điều 6 dự thảo Quy chế quy định: "<i>Cho vay các đối tượng chính sách khác theo quy định đặc thù của địa phương, giao cho Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh xem xét quyết định cho phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương...</i>"</p>	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa quy định tại Điều 6 vì quy định về cơ chế cho vay nhưng nội dung chủ yếu quy định về đối tượng cho vay, và quy định lại cho phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC nhằm quyền quyết định cho vay đối với các đối tượng chính sách khác thuộc HDND tỉnh quyết định.</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "<i>Đối tượng cho vay theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có)</i>"</p>
3.5	<p>Tại khoản 2, Điều 7 dự thảo Quy chế quy định: "<i>Nội dung và mức chi cho công tác chi đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh (huyện)...</i>"</p>	<p>Đề nghị bỏ quy định tại khoản 2, Điều 7 dự thảo Quy chế vì không phù hợp với quy định tại điểm b, khoản 7, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC</p>	<p>Nhất trí, tiếp thu chỉnh sửa</p>
3.6		<p>Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định nội dung Quy chế bao gồm các nội dung: (1) Cơ quan chuyên môn ký hợp đồng ủy thác; (2) Quy trình chuyển vốn NSDP...; Như vậy cần cứ quy định trên thì UBND tỉnh ban hành Quy chế phải đảm bảo đầy đủ cụ thể các nội dung trên. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát chỉnh sửa, bổ sung.</p>	<p>Nhất trí, tiếp thu chỉnh sửa</p>
3.7		<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu kỹ quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo hợp lý, khoa học.</p>	<p>Nhất trí, tiếp thu chỉnh sửa</p>
4		<p>Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang</p>	
4.1		<p>Đề nghị sửa đổi: "<i>Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thành phố</i>" thành "<i>Phòng giao dịch NHCSXH các huyện</i>" vì hệ thống NHCSXH tỉnh Tuyên Quang chưa có Phòng giao dịch NHCSXH thành phố</p>	<p>Nhất trí, tiếp thu chỉnh sửa</p>

Stt	QUY ĐỊNH DỰ THẢO VĂN BẢN	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
1	2	3	4
4.2	Tại Điều 10 Quy chế: "Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng đối với NHCSXH tỉnh theo quy định".	Đề nghị quy định lại phần chế độ báo cáo của NHCSXH tỉnh, huyện để đảm bảo thống nhất giữa Điều 8 chế độ báo cáo và Điều 10 trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị	Nhất trí, tiếp thu chỉnh sửa
4.3	Tại Điều 10 Quy chế: "Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng đối với NHCSXH tỉnh theo quy định".	Đề nghị bổ sung : "NHCSXH huyện"	Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng đối với NHCSXH theo quy định".
4.4		Đề nghị bổ sung quy định về xử lý nợ bị rui ro	Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Xử lý nợ bị rui ro thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 5, Chương II Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính".
4.5	Tại khoản 4, Điều 10 Quy chế: "Chi nhánh NHCSXH tỉnh (Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thành phố)".	Đề nghị sửa đổi: "Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện".	Nhất trí, tiếp thu chỉnh sửa
5	Tên dự thảo: "Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang"	Chi nhánh NHCSXH tỉnh Tuyên Quang	
5.1	Tên dự thảo: "Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang"	Đề nghị chỉnh sửa như sau: "Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang ..."	Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang ..."
5.2	Tại Điều 1 dự thảo Quy chế: "Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) ..."	Đề nghị bổ sung như sau: "Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã) ..."	Sau khi xem xét, Sở Tài chính không nhất trí vì tại khoản 2, Điều 3 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính quy định: "Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách)..."
5.3	Tại Điều 3 dự thảo Quy chế: "Nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện tùy theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương)..."	Đề nghị chỉnh sửa như sau: "Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, cấp xã tùy theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương)..."	Sau khi xem xét, Sở Tài chính không nhất trí vì tại khoản 2, Điều 3 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính quy định: "Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách)..."
5.4	Điều 5 dự thảo Quy chế việc tiếp nhận nguồn vốn ủy thác: "Chi nhánh NHCSXH tỉnh tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp huyện để thực hiện cho vay trực tiếp và cho vay ủy thác qua các tổ chức chính trị - xã hội..."	Đề nghị chỉnh sửa như sau: "Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành"	Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Quy trình chuyển vốn ngân sách địa phương: 1. Căn cứ để chuyển vốn; 2. Hình thức cấp phát; Lệnh chi tiền; 3. Hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành; 4. Cơ quan tiếp nhận nguồn vốn ủy thác".

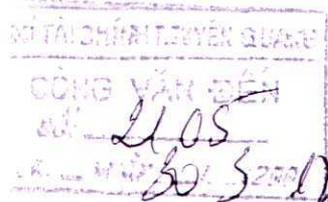
Stt	QUY ĐỊNH DỰ THẢO VĂN BẢN	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU CỦA CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO
1	2	3	4
5.5	<p>Dề nghị bổ sung mục đích sử dụng vốn vay, mức cho vay, thời hạn lãi suất cho vay, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, xử lý nợ bị rủi ro</p>	<p>Dề nghị bổ sung mục đích sử dụng vốn vay, mức cho vay, thời hạn lãi suất cho vay, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, xử lý nợ bị rủi ro</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Mục đích sử dụng vốn vay thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ và do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương. Mục cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay theo các quy định hiện hành của NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương có liên quan và do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, xử lý bị rủi ro thực hiện theo Thông tư số 11/2017/TT-BTC".</p>
5.6	<p>Mục 1, 2 Điều 7 dự thảo Quy chế: "chi phí cho công tác chi đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội trích 10% số tiền lãi thu được dùng để chi phụ cấp, công tác phí, hội nghị, khen thưởng".</p>	<p>Vì nguồn tiền lãi thu được ít, chi đủ chi cho công tác thì đưa khen thưởng đối với tập thể, cá nhân. Vì vậy đề nghị sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Tiếp thu và chỉnh sửa như sau: "Riêng đối với chi phí cho công tác chi đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và khen thưởng của Ban Đại diện HĐQT NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhân từ thực từ NSDP mức trích 15% số tiền lãi thu được, số tiền lãi coi như 100% và phân bổ như sau: Trích 70% chi khen thưởng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động cho vay, trích 30% chi phí cho công tác chi đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhân từ thực từ NSDP"</p>
6		<p>UBND huyện Lâm Bình</p>	
7		<p>Nhất trí với nội dung dự thảo UBND huyện Na Hang</p>	
8		<p>Nhất trí với nội dung dự thảo UBND thành phố Tuyên Quang</p>	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 280 /SKH-KGVX
V/v tham gia ý kiến dự thảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 3 năm 2017



Kính gửi: Sở Tài chính

Thực hiện văn bản số 627/UBND-TH ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại văn bản số 252/STC-QLNS ngày 24/3/2017 về việc tham gia ý kiến dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

Sau khi nghiên cứu dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và các văn bản pháp lý có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư nhất trí với nội dung dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT-KGVX.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Lương

Số: 359 /SLĐT BXH-BTXH
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết
định của UBND tỉnh về Quy chế quản
lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa
phương ủy thác qua hệ thống Ngân
hàng Chính sách xã hội tỉnh

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 3 năm 2017.

Kính gửi: Sở Tài chính

Căn cứ Công văn số 252/STC - QLNS ngày 24/3/2017 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có ý kiến tham gia cụ thể như sau:

1. Cơ bản nhất trí với dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Sở Tài chính soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đề nghị xem xét chỉnh sửa một số nội dung cụ thể:

2.1. Về thể thức:

- Đề nghị thêm phần Quốc hiệu, tên cơ quan ban hành văn bản và trình bày phần ký văn bản tại Dự thảo quy chế ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tại Điều 3 dự thảo Quyết định đề nghị bỏ từ (huyện) sau từ Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, vì tại Điều 3 đã chỉ rõ Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện Quyết định nên việc thực hiện tại địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo.

- Xem xét trình bày số thứ tự của Khoản, Điểm, Tiết trong văn bản cho thống nhất toàn văn bản (tất cả các điều như nhau). Ví dụ: nếu đã sử dụng Khoản 1, Sau đó đến điểm 1.1. sau đó đến Tiết a); hoặc sử dụng Khoản 1, Điểm a) và gạch đầu dòng.

2.2. Về nội dung

- Nghiên cứu trình bày, sử dụng thống nhất tên Ngân hàng là Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh hoặc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Tuyên Quang ở một số nội dung, không cần sử dụng NHCSXH tỉnh (huyện) vì trong hệ thống Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có hệ thống Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố. Mặt khác, tại Khoản 1

Điều 1 Quy chế đã ghihệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội Tuyên Quang (bao gồm Chi nhánh NHCSXH tỉnh Tuyên Quang và Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thành phố).

- Đề nghị xem xét lại các chữ viết tắt, trường hợp văn bản không dài, không phức tạp thì nên hạn chế viết tắt để đảm bảo hình thức văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp viết tắt thì chỉ viết tắt khi đã quy định chữ viết tắt trong văn bản (cụ thể tại điểm a Khoản 2 mới quy định viết tắt, nhưng trước đó đã có chữ viết tắt).

- Chương II đề nghị bổ sung thêm nội dung về quản lý và xử lý nợ bị rủi ro.

- Xem xét nội dung tại Khoản 4 Điều 10. Vì Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thành phố là bộ phận của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, do đó chỉ cần quy định trách nhiệm cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

Trường hợp cần cụ thể hơn thì nên tách thành 2 khoản 1 khoản quy định trách nhiệm Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, 1 khoản quy định trách nhiệm Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, thành phố.

- Đề nghị bổ sung 01 điểm vào trước điểm a Khoản 9 Điều 10 (trách nhiệm Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn):

"a) Thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo hàng năm theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để làm cơ sở thực hiện cho vay đúng đối tượng."

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng có ý kiến tham gia./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-NV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

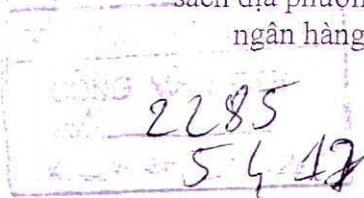


Lê Ngọc Sơn

Số: 229/STP-XD&KTVB

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 3 năm 2017

V/v tham gia ý kiến dự thảo Quy chế
quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân
sách địa phương ủy thác qua hệ thống
ngân hàng chính sách xã hội



Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang.

Sở Tư pháp nhận được Văn bản số 252/STC-QLNS ngày 24/3/2017 của Sở Tài chính đề nghị tham gia ý kiến dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến tham gia, như sau:

1. Đối với dự thảo Quyết định

a) Đề nghị bỏ căn cứ ban hành thứ 10 (Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) về việc ban hành Quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống NHCSXH) vì không phải là văn bản quy phạm pháp luật, không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“1. Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản”.

b) Điều 2 dự thảo Quyết định quy định: *“Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký”* không phù hợp với quy định tại Điều 151 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đề nghị cơ quan soạn thảo xác định cụ thể ngày có hiệu lực của văn bản theo đúng quy định tại Điều 151, 152 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

2. Đối với dự thảo Quy chế

a) Đề nghị bỏ đối tượng áp dụng là “*người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có đủ điều kiện được vay vốn theo quy định của nhà nước hiện hành*” tại điểm c khoản 2 Điều 1, vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản tại khoản 1 Điều 1.

b) **Điều 6** quy định về “*cơ chế cho vay*” nhưng nội dung Điều 6 chủ yếu quy định về *đối tượng cho vay*, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa tên Điều 6 cho thống nhất với nội dung của Điều.

Khoản 2 Điều 6 quy định “*cho vay các đối tượng chính sách khác theo quy định đặc thù của địa phương, giao cho Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh xem xét quyết định cho phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương...*” không phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/2/2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, cụ thể: “*Đối tượng cho vay: theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (sau đây viết tắt là Nghị định số 78/2002/NĐ-CP) và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (nếu có)*”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC thì thẩm quyền quyết định cho vay đối với các đối tượng chính sách khác thuộc HĐND tỉnh, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa cho phù hợp.

c) **Khoản 2 Điều 7** quy định về nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh (huyện) không phù hợp với quy định tại điểm b khoản 7 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC, cụ thể: “*Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm a khoản này do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*”. Theo đó, thẩm quyền quyết định nội dung và mức chi cho công tác này thuộc Chủ tịch UBND tỉnh. Đề nghị bỏ quy định tại khoản 2 Điều 7.

d) Các vấn đề khác

Điều 4 Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định: “*Căn cứ quy định tại Điều 5 Thông tư này, UBND cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn*

vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác”.

Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC quy định về nội dung quy chế gồm: (1) Cơ quan chuyên môn được UBND các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH các cấp; (2) Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hằng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay...; (3) Đối tượng cho vay; (4) Mục đích sử dụng vốn vay; (5) Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay; (6) Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn; (7) Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay; (8) Xử lý nợ bị rủi ro; (9) Chế độ báo cáo.

Căn cứ các quy định nêu trên thì UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác phải đảm bảo đầy đủ và cụ thể các nội dung theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC. Tuy nhiên, nội dung dự thảo Quy chế chưa quy định đầy đủ và cụ thể các nội dung này. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ nội dung dự thảo văn bản, căn cứ quy định của pháp luật hiện hành để chỉnh sửa, bổ sung.

3. Về thể thức, kỹ thuật trình bày

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu kỹ quy định tại Chương V (từ Điều 55 đến Điều 81) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP để chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo đúng quy định của pháp luật (về việc sử dụng từ ngữ viết tắt; bố cục của văn bản), hợp lý và khoa học.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tư pháp vào dự thảo Quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (T/hợp);
- Giám đốc Sở (B/cáo);
- Lưu VT, XD&KTVB.
Thành.(02b).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hữu Trúc

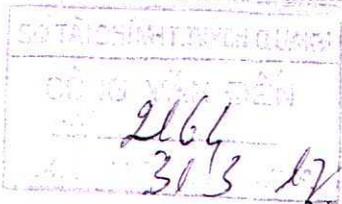
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH TUYỀN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 360 /TQU-TH

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 3 năm 2017

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Văn bản



Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang

Ngày 27/3/2017, Ngân hàng Nhà nước tỉnh Tuyên Quang nhận được Văn bản số 252/STC-QLNS ngày 24/3/2017 của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang về việc xin ý kiến tham gia vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Qua nghiên cứu, Ngân hàng Nhà nước tỉnh có ý kiến tham gia như sau:

1. Về cơ bản, nhất trí với nội dung Dự thảo.
2. Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung như sau:
 - a. Rà soát, viết lại những cụm từ “Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thành phố” trong Dự thảo thành “Phòng giao dịch NHCSXH các huyện” do hiện nay hệ thống NHCSXH tỉnh Tuyên Quang chưa có Phòng giao dịch thành phố.
 - b. Đề nghị phần chế độ báo cáo của NHCSXH tỉnh, huyện nên quy định lại để bảo đảm thống nhất giữa Điều 8 “Chế độ báo cáo” và Điểm d, Khoản 4, Điều 10 “Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương”.
 - c. Tại Khoản 5, Điều 10, Chương III của Dự thảo về trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, đề nghị bổ sung đối tượng “NHCSXH huyện” và viết lại như sau: “Thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng đối với NHCSXH tỉnh, huyện theo quy định”.
 - d. Tại tiêu đề của Khoản 4, Điều 10 nên viết là “Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH các huyện”.
 - đ. Đề nghị bổ sung thêm một Điều mới sau Điều 7 của Dự thảo Quy định về xử lý nợ bị rủi ro để phù hợp với quy định tại Khoản 8, Điều 5, Thông tư số 11/2017/TT-BTC.

Vậy, Ngân hàng Nhà nước tỉnh trân trọng có ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLĐ NHNN tỉnh;
- Thanh tra, giám sát NHNN tỉnh;
- Lưu: VT, TH.



GIÁM ĐỐC

Trịnh Ngọc Tuấn

Số: *2108* /NHCS-KHTD

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 03 năm 2017

V/v tham gia ý kiến vào Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH tỉnh Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh Tuyên Quang nhận được công văn số 252/STC-QLNS ngày 24/03/2017 của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH tỉnh Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Sau khi nghiên cứu các văn bản dự thảo, chi nhánh NHCSXH tỉnh Tuyên Quang nhất trí với nội dung dự thảo Tờ trình đề nghị và Quyết định về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Đối với Dự thảo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống NHCSXH tỉnh Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, chi nhánh NHCSXH tỉnh đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau (*các nội dung bổ sung, sửa đổi được in nghiêng đậm*):

1. Về tên Quy chế

- Đề nghị sửa đổi nội dung tên Quy chế như sau:

“Quy chế quản lý và sử dụng.....ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.....trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”

2. Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1 của Dự thảo)

a) Đề nghị bổ sung, sửa đổi nội dung Khoản 1

“Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn.....(bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, *cấp xã*) ủy thác qua NHCSXH tỉnh Tuyên Quang (bao gồm chi nhánh NHCSXH tỉnh Tuyên Quang và Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện để cho vay.....trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.

b) Đề nghị bổ sung, sửa đổi nội dung tại Điểm a, Khoản 2

Để đảm bảo sự tham gia của các Sở, ban ngành liên quan của tỉnh, phòng ban liên quan của huyện và phù hợp với mạng lưới tổ chức của NHCSXH, chi nhánh NHCSXH không có Phòng giao dịch NHCSXH thành phố, tại chi nhánh NHCSXH tỉnh thực hiện cả chức năng cho vay, thu nợ trên địa bàn thành phố Tuyên Quang, đề nghị sửa đổi nội dung Điểm a, Khoản 2 như sau:

“Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương *ủy thác qua NHCSXH*.....gồm: Sở Tài chính, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, chi nhánh NHCSXH tỉnh, *các Sở, ngành có liên quan của tỉnh* , Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Phòng giao dịch NHCSXH *cấp huyện và các phòng, ban liên quan của huyện*.

c) Đề nghị sửa đổi Điểm c, Khoản 2 như sau:

“Người nghèo và các đối tượng..... đủ điều kiện được vay vốn theo quy định *hiện hành* của nhà nước”.

3. Về nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH tỉnh, huyện để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (Điều 2 của Dự thảo)

a) Đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung Khoản 1 để đúng với quy định tại Khoản 2, Điều 3 của Thông tư số 11/2017/TT-BTC.

“Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện, *cấp xã* tùy theo tình hình thực tế *của từng địa phương* và khả năng.....) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnhquyết định”

b) Đề nghị bổ sung nội dung Khoản 2:

“Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác *bằng nguồn vốn ngân sách địa phương* được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác”.

4. Về các quy định cụ thể (Chương II của Dự thảo):

Căn cứ các quy định tại Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC, chi nhánh NHCSXH đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung sau:

a) Đề nghị bỏ Khoản 3, Điều 4 của Dự thảo vì không phù hợp với các quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC.

b) Đề nghị bổ sung nội dung Khoản 3 mới thuộc Điều 4 của Dự thảo

“3. Cấp xã: UBND cấp xã ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện đối với nguồn ngân sách cấp xã”.

Vì hiện nay, nguồn vốn Trung ương cân đối chuyển về chi nhánh NHCSXH còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn, vì vậy cần tập trung nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước vào một đầu mối là chi nhánh NHCSXH tỉnh để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn nhằm thực hiện tốt Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 và Kế hoạch số 50/KH-UBND ngày 2/6/2016 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

c) Đề nghị sửa đổi Điều 5 như sau để phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 5 của Thông tư số 11/2017/TT-BTC:

“Điều 5. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành”

d) Đề nghị bỏ nội dung Điều 6 của Dự thảo vì không phù hợp với quy định Khoản 3, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC và bổ sung Điều 6 mới như sau:

“Điều 6. Đối tượng cho vay

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (nếu có).

đ) Đề nghị bổ sung Điều 7,8,9 mới như sau:

“Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay:

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương để quy định.

Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có) do UBND tỉnh quyết định trên cơ sở các quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp với thực tế tại địa phương.

Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn:

a) Về thẩm quyền gia hạn nợ do NHCSXH các cấp xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ;

b) Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ”.

e) Đề nghị sửa Điều 7 của Dự thảo thành Điều 10 và bổ sung nội dung sửa đổi như sau để phù hợp quy định tại Khoản 7, Điều 5 của Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính

- Chi nhánh NHCSXH tỉnh đề nghị Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh nội dung và mức chi phù hợp, vì nguồn tiền lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH còn ít, không đủ để chi cho các nội dung như Dự thảo mà chỉ đủ chi cho công tác thi đua khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích đóng góp trong hoạt động của NHCSXH, đối với các thành viên Ban đại diện HĐQT NHCSXH hiện nay đã được chi phụ cấp Ban Đại diện hàng quý theo quy định của Bộ Tài chính;

Ví dụ: Tại NHCSXH có 10 tỷ đồng từ nguồn vốn địa phương chuyển qua NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác, số tiền lãi thu được nếu thu lãi đạt 100% số lãi phải thu của 10 tỷ đồng là 660 triệu/năm, số tiền lãi được trích là 10%/tổng số lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và khen thưởng của Ban Đại diện HĐQT NHCSXH là 66 triệu đồng, trong khi đó riêng chi phụ cấp Ban Đại diện HĐQT NHCSXH 01 quý là 158,7 triệu đồng.

- Về thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua khen thưởng trong dự thảo việc giao cho Giám đốc NHCSXH tỉnh (huyện) quyết định tặng giấy khen là không đúng thẩm quyền theo quy chế thi đua khen thưởng của NHCSXH quy định, mà quyết định tặng giấy khen là do Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH quyết định tặng: Giấy khen cho tập thể, cá nhân ngoài ngành và Tổng Giám đốc NHCSXH quyết định tặng: các Danh hiệu và Giấy khen cho tập thể, cá nhân trong ngành (theo Khoản 5,6 Điều 36, Mục 1, Chương V của Quy chế thi đua - khen thưởng NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 59/QĐ-HĐQT ngày 17/10/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH).

Chi nhánh NHCSXH đề nghị thay Điều 7 thành Điều 10 như sau:

“Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay:

a) NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn ngân sách địa phương vào thu nhập của NHCSXH và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

- Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTG ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh);

- Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dự nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho

NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác;

- Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được. UBND cấp tỉnh quyết định cụ thể tỷ lệ được hưởng cho các đơn vị liên quan.

- Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay;

b) Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại Điểm a, Điều 10 của Quy chế này do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương”

g) Đề nghị bổ sung thêm Điều 11 như sau:

“Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro:

a) Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan âm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro ngoài cơ chế này, NHCSXH cấp tỉnh, huyện phối hợp với Sở (Phòng) Lao động –TB&XH, Sở (Phòng) Kế hoạch và Đầu tư, Sở (Phòng) tài chính và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch UBND các cấp xem xét, quyết định đảm bảo theo đúng quy định.

b) Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện), do Chủ tịch UBND cấp xã (đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã).

c) Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương;

d) Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; cơ quan Tài chính cấp tỉnh, cấp huyện, UBND cấp xã chủ trì phối hợp với cơ quan Lao động- Thương binh và xã hội các cấp, NHCSXH cấp tỉnh, huyện báo cáo UBND các cấp bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trừ trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện;

đ) Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định”.

h) Đề nghị sửa Điều 8,9 thành Điều 12,13.

5. Về Tổ chức thực hiện (Chương III của Dự thảo)

Việc quản lý nguồn vốn ngân sách của địa phương ủy thác qua NHCSXH từ cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, đều có sự tham gia quản lý, kiểm tra, giám sát của các Sở, ban ngành liên quan tại tỉnh, UBND các huyện và các phòng, ban liên quan tại huyện.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ban ngành, để thể hiện ngắn gọn, cụ thể về trách nhiệm của các Sở, ban ngành liên quan tại tỉnh, huyện, xã trong thực hiện Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, chi nhánh NHCSXH tỉnh đề nghị sửa Điều 10 thành Điều 14 như sau:

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

“1. Sở (Phòng) Tài chính kế hoạch chủ trì phối hợp với Sở (Phòng) Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất với UBND các cấp:

a) Bố trí nguồn vốn từ Ngân sách tỉnh ủy thác cho NHCSXH, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

c) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 10 của Quy chế này.

2. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng đối với NHCSXH tỉnh theo quy định.

3. NHCSXH tỉnh, huyện

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách của tỉnh (huyện, xã) chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

d) Định kỳ hàng năm báo cáo UBND tỉnh (huyện, xã) về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh (huyện, xã) chuyển qua NHCSXH trước ngày 15/1 của năm sau.

4. Các Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ TK&VV để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

5. UBND huyện, thành phố

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và phòng giao dịch NHCSXH huyện thực hiện đúng các quy định của Quy chế này.

6. UBND các xã, phường, thị trấn

a) Cân đối ngân sách của xã, phường, thị trấn để bố trí bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH các huyện để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

b) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

c) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

d) Có ý kiến về đề nghị xử lý rủi ro của người vay”.

5. Đề nghị bổ sung Điều 15 như sau:

“Điều 15. Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành”

6. Đề nghị sửa Điều 11 của Dự thảo thành Điều 16

Trên đây là ý kiến tham gia vào các dự thảo Tờ trình, Quyết định của UBND tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Chi nhánh NHCSXH tỉnh xin trân trọng báo cáo Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban lãnh đạo chi nhánh tỉnh;
- Lưu: VT, KHTD

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phan Vỹ

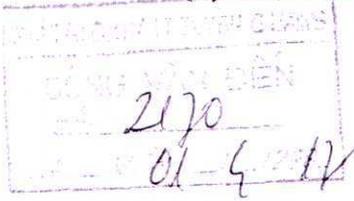
**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM BÌNH**

Số: 226 /UBND-TH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2017

Về việc tham gia ý kiến vào dự thảo
Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh



Kính gửi: Sở Tài chính

Thực hiện Văn bản số 252/STC-QLNS ngày 24/3/2017 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang,

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp các ý kiến tham gia, Ủy ban nhân dân huyện Lâm Bình nhất trí với các nội dung dự thảo của Sở Tài chính.

Ủy ban nhân dân huyện Lâm Bình trân trọng tham gia ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên; (kính gửi)
- Chủ tịch, các Phó CT UBND huyện;
- CVP, các Phó CVP HĐND và UBND huyện;
- Lưu: VT, CV(NC).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



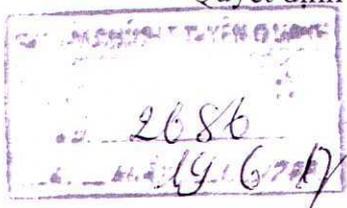
[Handwritten Signature]
Đặng Văn Sinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 206 /UBND-TH
V/v tham gia ý kiến vào dự thảo
Quyết định của UBND tỉnh

Na Hang, ngày 18 tháng 4 năm 2017



Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Thực hiện Văn bản số 252/STC-QLNS ngày 24/3/2017 của Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kèm Văn bản số 252/STC-QLNS ngày 24/3/2017 của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Na Hang nhất trí với nội dung dự thảo.

Ủy ban nhân dân huyện Na Hang kính gửi Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Chánh, PCVP HĐND và UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Lưu VT, CV (TC-XD) *TC*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Anh Cường

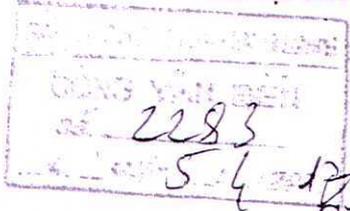
**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 417 /UBND-TCKH

TP. Tuyên Quang, ngày 4 tháng 4 năm 2017

V/v tham gia ý kiến vào dự thảo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang



Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Văn bản số 252/STC-QLNS ngày 24/3/2017 của Sở Tài chính về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định của UBND tỉnh về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Văn bản số 672/UBND-TH ngày 10/3/2017 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính,

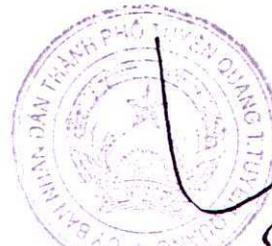
Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân thành phố nhất trí với dự thảo Quy chế và dự thảo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên.

Ủy ban nhân dân thành phố trân trọng có ý kiến./

Nơi nhận: *Soy*

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND thành phố;
- CVP, PCVP HĐND và UBND thành phố;
- Chuyên viên TC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Quang
Nguyễn Xuân Hùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Thông nhất dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 627/UBND-TH ngày 10/3/2017 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính.

Hôm nay, hồi 14 giờ, ngày 13/4/2017 tại Phòng họp B, tầng 3, trụ sở làm việc Sở Tài chính Tuyên Quang, thành phần làm việc gồm có:

1. Sở Tài chính:

- | | |
|-----------------------|---------------------------|
| - Ông: Hà Tung Kiên | - Phó Giám đốc; |
| - Ông: Ma Thanh Hồng | - Trưởng phòng QLNS; |
| - Ông: Nguyễn Hoa Huệ | - Chuyên viên phòng QLNS; |

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- | | |
|--------------------------|---------------------------------------|
| - Ông: Triệu Quang Huy | - Phó Giám đốc; |
| - Ông: Nguyễn Trung Kiên | - Chuyên viên Phòng Khoa giáo văn xã. |

3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

- | | |
|---------------------|---------------------------------|
| - Bà: Phạm Kim Vân | - Phó Giám đốc Sở; |
| - Bà: Trần Thị Thơm | - Phó Trưởng phòng Kế hoạch TC; |

4. Sở Tư pháp:

- | | |
|-------------------------|---------------------------------|
| - Ông: Nguyễn Hữu Trúc | - Phó Giám đốc Sở; |
| - Ông: Khổng Xuân Thành | - Chuyên viên phòng XDKTVBQPPL. |

5. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Tuyên Quang:

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| - Ông: Nguyễn Phan Vỹ | - Phó Giám đốc; |
| - Bà: Phùng Thị Bích | - Trưởng phòng KHNVTĐ. |

6. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang:

- | | |
|-------------------------|-----------------------------------|
| - Ông: Phạm Quang Khánh | - Phó Giám đốc; |
| - Bà: Dương Cẩm Anh | - Phó Trưởng phòng Tổng hợp KSNB. |

Nội dung: Thông nhất dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, kết quả cụ thể như sau:

A. Căn cứ để xem xét

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002;
- Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010;
- Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện quy chế Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

B. Kết quả xem xét

I. Các thành phần dự họp có ý kiến:

1. Ông Ma Thanh Hồng - Trưởng phòng Quản lý ngân sách - Sở Tài chính

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 627/UBND-TH ngày 10/3/2017 về việc triển khai thực hiện Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính. Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang và lấy ý kiến tham gia của các Quý cơ quan liên quan (*văn bản số 252/STC-QLNS ngày 24/3/2017 của Sở Tài chính*).

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, Sở Tài chính đã chỉnh sửa, hoàn thiện nội dung dự thảo Quyết định (*Sở Tài chính đã gửi kèm theo Giấy mời họp số 306/STC-QLNS ngày 11/4/2017 bản dự thảo Tờ trình, Quyết định và Quy chế*) để các cơ quan nghiên cứu, tham gia ý kiến tại cuộc họp.

2. Ông Nguyễn Phan Vỹ - Phó Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh Tuyên Quang

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các nội dung sau:

- Tại Dự thảo Quyết định, Quy chế đề nghị bỏ cụm từ: “*cho vay theo từng chương trình dự án cụ thể*” để phù hợp với quy định tại Điều 4 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính: “...*UBND cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn NSDP ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác*”.

- Tại khoản 1, Điều 3 dự thảo Quy chế đề nghị bỏ cụm từ: “*thực hiện bảo toàn vốn được cấp*” vì không phù hợp với thực tiễn hoạt động tín dụng chính sách, trong quá trình thực hiện cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác có thể gặp rủi ro do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và phải xử lý rủi ro theo quy định.

- Đề nghị bỏ điểm 2.3, khoản 2, Điều 10 dự thảo Quy chế: “*Hàng năm Chi nhánh NHCSXH tỉnh lập dự toán việc sử dụng số lãi thu được gửi Sở Tài chính thẩm định, Phòng giao dịch NHCSXH huyện lập dự toán việc sử dụng số lãi thu được gửi Phòng Tài chính Kế hoạch huyện thẩm định. Chi nhánh NHCSXH tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định*”. Vì Sở Tài chính đã tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh phân chia tỷ lệ 70% chi khen thưởng, 30% chi cho công tác chỉ đạo, quản lý nên NHCSXH thấy không cần thiết phải lập dự toán gửi cơ quan tài chính thẩm định.

- Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung tại Điều 14 Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương phù hợp hơn.

3. Bà: Dương Cẩm Anh - Phó Trưởng phòng Tổng hợp KSNB

Nhất trí với ý kiến tham gia của Chi nhánh NHCSXH tỉnh Tuyên Quang và đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các nội dung sau:

- Tại khoản 1, Điều 5 dự thảo Quy chế quy định: “*Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH quy định tại Điều 4 của Quy chế này*” đề nghị sửa thành: “*Căn cứ Hợp đồng ủy thác đã ký để chuyển vốn*” để cụ thể hơn.

- Tại điểm d, khoản 5, Điều 14 dự thảo Quy chế quy định: “*Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu ...*” đề nghị sửa thành: “*Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất ...*” vì để phù hợp với khoản 9, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính.

4. Ông Không Xuân Thành - Chuyên viên phòng XDKTVBQPPL

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa các nội dung sau:

- Đề nghị chỉnh sửa: “*Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang*” thành “*Ngân hàng Chính sách xã hội*” vì để phù hợp với tổ chức hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Đề nghị bỏ cụm từ: “*cho vay theo từng chương trình dự án cụ thể*” để phù hợp với quy định tại Điều 4 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính: “...*UBND cấp tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn NSDP ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác*”.

- Tại điểm a, khoản 2, Điều 1 dự thảo Quy chế đề nghị chuyển cụm từ: “sau đây viết tắt là NHCSXH” lên khoản 1, Điều 1 vì cụm từ viết tắt phải ghi ngay lần xuất hiện đầu tiên tại văn bản.

- Đề nghị xem xét chỉnh sửa lại Điều 7 dự thảo Quy chế: “Mục đích sử dụng vốn vay thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương” và khoản 2, Điều 8 dự thảo Quy chế: “Đối với đối tượng cho vay thuộc khoản 2, Điều 6 Quy chế này được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ... và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương” để phù hợp với đối tượng cho vay là một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có) và nêu rõ được yêu cầu tại khoản 4, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính.

- Đề nghị bỏ tiết a, tiết b, điểm 2.1, khoản 2, Điều 10 dự thảo Quy chế: “Đối tượng áp dụng... nguyên tắc khen thưởng, hình thức khen thưởng, hồ sơ khen thưởng, quy trình khen thưởng được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội” để tạo điều kiện thuận lợi hơn trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa nội dung tại Điều 14 Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương phù hợp hơn.

- Đề nghị chỉnh sửa lại Điều 15 dự thảo Quy chế về quy định chuyển tiếp: “Sở LDTBXH rà soát nội dung Hợp đồng ủy thác đã được UBND tỉnh ủy quyền ký với Chi nhánh NHCSXH tỉnh Tuyên Quang để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp và Phòng giao dịch NHCSXH huyện rà soát nội dung của các Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ủy thác của ngân sách huyện đã được UBND huyện ban hành để đề xuất tham mưu với UBND huyện sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định tại Quy chế này. Trường hợp các Quy chế và Hợp đồng đã ban hành phù hợp với quy định tại Quy chế này thì tiếp tục thực hiện” để nội dung không trùng lặp.

5. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Nhất trí việc Sở Tài chính tham mưu đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Lao động TBXH, Phòng Lao động TBXH được Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH và ý kiến của các cơ quan đã tham gia.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Nhất trí với các ý kiến của các cơ quan đã tham gia.

II. Thống nhất đề xuất

Sau khi trao đổi, thảo luận các thành phần tham gia dự họp thống nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(Có Dự thảo Quyết định, Quy chế kèm theo)

Căn cứ nội dung đã thống nhất, Sở Tài chính xin ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành để tổ chức thực hiện./.

Biên bản được lập xong lúc 16h cùng ngày, thông qua mọi thành phần nhất trí và làm cơ sở để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành./

SỞ TƯ PHÁP



SỞ TÀI CHÍNH
KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH
PHÓ GIÁM ĐỐC



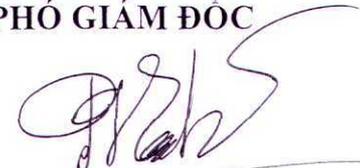
Hà Trung Kiên

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Triệu Quang Huy

SỞ LAO ĐỘNG TBXH
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Kim Vân

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH
TỈNH TUYÊN QUANG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Quang Khánh

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH
SÁCH XÃ HỘI TỈNH TUYÊN QUANG
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Phan Vỹ

CÁC THÀNH VIÊN THAM GIA

1. Sở Tài chính:

- Ông: Ma Thanh Hồng

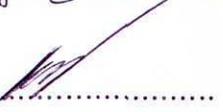
Trưởng phòng QLNS..... 

- Bà: Nguyễn Hoa Huệ

Chuyên viên phòng QLNS 

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Ông: Nguyễn Trung Kiên

Chuyên viên phòng KH Văn xã..... 

3. Sở Tư pháp:

- Ông: Không Xuân Thành

Chuyên viên phòng XDKTVBQPPL..... 

4. Sở Lao động TBXH

- Bà: Trần Thị Thơm

Phó Trưởng phòng KHTC..... 

5. Chi nhánh NHCSXH tỉnh

- Bà: Phùng Thị Bích

Trưởng phòng KHNVTĐ..... 

6. Ngân hàng Nhà nước tỉnh

- Bà: Dương Cẩm Anh

Phó Trưởng phòng THKSNB..... 

Số:../2017/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày ... tháng ... năm ...

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về
tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng
Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính
sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng
Chính phủ ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng
Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính
đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số
180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính
quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua
Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng
chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của Ngân hàng Chính sách
xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010;

Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15/4/2016 của Bộ Tài chính
về việc hướng dẫn thực hiện quy chế Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân
hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg
ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ
tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số: .../TTTr-STC ngày .../.../2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang; Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- NHCSXH Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Cục KtrVBQPPL, Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- UBMTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Như Điều 3 (để thi hành);
- UBND các huyện, thành phố;
- Công thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Phòng Tin học và Công báo;
- Trưởng các phòng khối KTTH;
- Lưu: VT, KTTH.

} báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huấn

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số: .../2017/QĐ-UBND ngày.../.../... của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội, bao gồm Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện (*sau đây viết tắt là NHCSXH*) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH, gồm: Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang, NHCSXH, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các Sở, ngành liên quan.

b) Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, Tổ tiết kiệm và vay vốn.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện tùy theo tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng vốn vay

1. Nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, hiệu quả theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn vốn ủy thác cho chương trình tín dụng nào thì chỉ sử dụng cho chương trình tín dụng đó, NHCSXH không được tự ý điều động vốn sử dụng cho chương trình khác nếu không được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện) đồng ý bằng văn bản.

3. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH được giải ngân, quản lý, sử dụng theo quy định tại Quy chế này và các quy định của nhà nước hiện hành liên quan. Nghiêm cấm các hành vi tham ô, chiếm dụng, lợi dụng vốn vay dưới mọi hình thức. Các tổ chức, cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với NHCSXH

1. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Sở Lao động Thương binh và Xã hội ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội ký Hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện.

Điều 5. Quy trình chuyển vốn ngân sách địa phương

1. Căn cứ để chuyển vốn:

a) Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) phê duyệt nguồn vốn ủy thác để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

b) Hợp đồng ủy thác đã ký theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Hình thức cấp phát: Lệnh chi tiền.

3. Hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

4. Cơ quan tiếp nhận nguồn vốn ủy thác

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện tiếp nhận nguồn vốn ủy thác đối với ngân sách cấp huyện để thực hiện cho vay trực tiếp và cho vay ủy thác qua các tổ chức chính

trị - xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh theo quy định của nhà nước hiện hành.

Điều 6. Đối tượng cho vay

1. Các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay

1. Đối với đối tượng cho vay thuộc khoản 1, Điều 6 Quy chế này thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 4/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Đối với đối tượng cho vay thuộc khoản 2, Điều 6 Quy chế này do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)

1. Đối với đối tượng cho vay thuộc khoản 1, Điều 6 Quy chế này thực hiện theo các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với đối tượng cho vay thuộc khoản 2, Điều 6 Quy chế này do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

Thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (*sau đây viết tắt là Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính*).

Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. NHCSXH quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo quy định tại điểm a, khoản 7, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính.

2. Riêng đối với chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. NHCSXH được trích 15% số tiền lãi thu được, trong đó: 70% chi khen thưởng cho các cá nhân,

tập thể có thành tích xuất sắc đóng góp trực tiếp, thiết thực trong hoạt động cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; 30% chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương.

a) Hàng năm NHCSXH lập dự toán việc sử dụng kinh phí được để lại cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát và khen thưởng gửi Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện thẩm định. Căn cứ nội dung thẩm định, NHCSXH trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định để tổ chức thực hiện.

b) Trường hợp hết năm ngân sách, kinh phí còn dư được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro

Thực hiện theo quy định tại khoản 8, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 12. Chế độ báo cáo

Thực hiện theo quy định tại khoản 9, Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 8/02/2017 của Bộ Tài chính.

Điều 13. Hạch toán kế toán và theo dõi nguồn vốn ủy thác

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH được theo dõi trên tài khoản riêng theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính

a) Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Thực hiện chuyển vốn ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Kiểm tra, thẩm định việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra giám sát tình hình và kết quả cho vay từ nguồn vốn uỷ thác.

3. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

a) Ký Hợp đồng uỷ thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang đảm bảo theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan giám sát việc sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh uỷ thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

c) Hướng dẫn rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm làm cơ sở để thực hiện cho vay đúng đối tượng.

4. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang

Thực hiện quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng đối với NHCSXH theo quy định.

5. NHCSXH

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác theo đúng quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn đúng mục đích, cho vay đúng đối tượng thụ hưởng và phân phối số lãi thu được đúng quy định tại Điều 10 của Quy chế này.

b) Chủ động và phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra giám sát vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, NHCSXH có trách nhiệm tổng hợp số liệu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn địa phương uỷ thác cho vay.

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và các cơ quan quản lý nhà nước về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác sang NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Chỉ đạo các phòng, ban, tổ chức chính trị - xã hội, hội, đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với người vay trên địa bàn.

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn chấp hành đầy đủ các quy định về Thành lập Tổ tiết kiệm vay vốn, bình xét cho vay, xác nhận đối tượng đủ điều kiện vay theo quy định, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, trả nợ, trả lãi tiền vay của người vay.

c) Chỉ đạo thực hiện việc tổ chức, rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn đảm bảo đúng đối tượng, đúng thời gian theo quy định.

8. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện

a) Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước hiện hành và khả năng cân đối của ngân sách cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê duyệt nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Thực hiện chuyên vốn ủy thác sang Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh sau khi được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê duyệt.

c) Kiểm tra, thẩm định việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 10 Quy chế này.

9. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện

a) Ký Hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện đảm bảo theo quy định.

b) Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan giám sát việc sử dụng nguồn vốn từ ngân sách huyện ủy thác sang Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện để thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

c) Hướng dẫn rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm làm cơ sở để thực hiện cho vay đúng đối tượng.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Thực hiện rà soát và Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo hằng năm theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện để làm cơ sở thực hiện cho vay đúng đối tượng. Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn thuộc phạm vi quản lý theo từng chương trình cho vay từ nguồn vốn được ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với NHCSXH, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; kiểm tra, phúc tra người nghèo và các đối tượng chính sách khác vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Có xác nhận và ý kiến về đề nghị của người vay đối với các trường hợp được xử lý rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của nội dung xác nhận.

11. Các Tổ chức Hội đoàn thể nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

Điều 15. Quy định chuyển tiếp

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội rà soát nội dung Hợp đồng ủy thác đã ký với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Tuyên Quang để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định tại Quy chế này.

2. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội rà soát nội dung các Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn ủy thác của ngân sách cấp huyện đã ký để đề xuất, tham mưu trình Ủy ban nhân dân cấp huyện sửa đổi, bổ sung cho phù hợp theo quy định tại Quy chế này.

3. Trường hợp các Hợp đồng và Quy chế đã ban hành phù hợp với quy định tại Quy chế này thì tiếp tục thực hiện.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Những quy định khác có liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương có liên quan và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh những khó khăn, vướng mắc vượt quá thẩm quyền giải quyết, các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung thì các cơ quan, đơn vị lập văn bản đề nghị về Sở Tài chính để nghiên cứu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, nhằm đảm bảo sử dụng vốn ủy thác đúng mục đích, hiệu quả./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huấn